

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày 27/7/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đình Tình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ngọc Êban.

2. Bà Lưu Thị Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 30/2018/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 28/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST- DS ngày 12/7/2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn MT, xã EB, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Ngọc D – Sinh năm 1971 .

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc Ph – Sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Do có quen biết với chị Phạm Ngọc D có chồng là Trần Ngọc Ph, trú tại thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nên từ ngày 20 tháng 02 năm 2017 đến ngày 18 tháng 03 năm 2017 (âm lịch). Ngày 20/2/2017 âm lịch tức là ngày 17 tháng 03 năm 2017 (Dương lịch), bà cho bà Phạm Ngọc D vay với số tiền 200.000.000 đồng để đảo nợ Ngân hàng lãi suất thỏa thuận là 0,83%/tháng hẹn 02 tháng sau sẽ trả. Tiếp tục đến ngày 28 tháng 06 năm 2017 (âm lịch) tức ngày 01/8/2017 (dương lịch) bà cho bà Phạm Ngọc D vay số tiền 150.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 0,83%/tháng, hai bên hẹn 10 ngày sau sẽ

trả. Mặc dù đã hết thời gian trả nợ, nhưng bà D không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo giấy vay tiền. Do đó bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện Buôn Đôn giải quyết buộc bà D cùng với ông Phước người có quyền và nghĩa vụ liên quan trả toàn bộ số tiền gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận là 0,83%/tháng.

Bà H yêu cầu tính lãi gộp của hai khoản vay từ ngày 01/5/2017 (dương lịch) là 200.000.000 đồng và khoản vay 150.000.000 đồng từ ngày 01 tháng 08 năm 2017(dương lịch) nên chỉ yêu cầu tính lãi của hai khoản vay tính từ ngày 01/8/2017 đến 27 tháng 07 năm 2018 là ngày xét xử cụ thể là: $350.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 11 \text{ tháng} = 34.569.500 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi là: $350.000.000 \text{ đồng} + 34.569.500 \text{ đồng} = 384.569.500 \text{ đồng}$ (ba trăm tám mươi tư triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Theo bản tự khai của bị đơn bà Phạm Ngọc D ngày 12 tháng 04 năm 2018 trình bày: Bà D thừa nhận từ ngày 20 tháng 02 năm 2017 đến ngày 18 tháng 03 năm 2017 (âm lịch) bà có vay của bà Phan Thị H số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả 02 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày 28 tháng 06 năm 2017 (âm lịch) bà D tiếp tục vay của bà Phan Thị H số tiền 150.000.000 đồng. Bà D thừa nhận hiện còn nợ của bà H Tổng số tiền là 350.000.000 đồng, số tiền vay về với mục đích để làm ăn và đầu hạn ngân hàng. Tuy nhiên, vì làm ăn thua lỗ, do đó bà chưa trả được cho bà H tiền gốc và tiền lãi suất theo như thảo thuận vay tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Ph quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông và bà Phạm Ngọc D có quan hệ vợ chồng, việc vợ ông bà Phạm Ngọc D với bà Phan Thị H vay tiền với nhau ông không hề hay biết. Hiện nay bà Phan Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông cùng vợ là bà Phạm Ngọc D trả nợ số tiền 350.000.000 đồng ông không đồng ý. Ông cho rằng số tiền trên vợ ông vay làm gì hoàn toàn không biết và bản thân ông không ký vào giấy vay tiền, do đó vợ ông vay thì vợ ông phải có nghĩa vụ trả nợ còn tôi không biết nên tôi không có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147, Điều 162 Điều 186; Điều 187 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 465, Điều 466, và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 350.000.000 đồng; tiền lãi suất $350.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 34.569.500 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 384.569.500 đồng (ba trăm tám mươi tư triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của vợ chồng bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph đã được Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ông Trần Ngọc Ph có đơn từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Bà Phạm Ngọc D có xác lập 02 đợt vay tiền cụ thể: Từ ngày 20 tháng 02 năm 2017 (âm lịch) đến ngày 18 tháng 03 năm 2017 (âm lịch) bà có vay của bà Phan Thị H số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả 02 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày 28 tháng 06 năm 2017 (âm lịch) bà D tiếp tục vay của bà Phan Thị H 150.000.000 đồng, mục đích vay tiền của bà Phan Thị H về để đầu hạn ngân hàng và làm ăn buôn bán nhưng bà Phạm Ngọc D vẫn chưa trả nợ trên.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Các giao dịch vay tiền Phạm Ngọc D cùng với bà Phan Thị H xác lập các giao dịch vay tiền là có thật, theo như nguyên đơn trình bày là có cơ sở, phù hợp quy định tại các Điều 463 và 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mục đích vay tiền của bà Phạm Ngọc D về để đầu hạn ngân hàng và làm ăn buôn bán đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, tuy nhiên bà D khai do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc và tiền lãi cho bà H. Vì vậy, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch vay tiền nêu trên vợ chồng bà D và ông Phước phải cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần buộc bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

-*Về lãi suất*: Khi thực hiện giao dịch hai bên có tính lãi suất, nhưng chỉ ghi chung chung là lãi suất thỏa thuận theo quy định. Xét yêu cầu tính lãi suất của bà Phan Thị H là 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (từ ngày 01/08/2017 dương lịch ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm 27/7/2018 là 11 tháng 27 ngày) là phù hợp cần chấp nhận, cụ thể: $163.000.000 \text{ đồng} \times 0,38\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 34.569.500 \text{ đồng}$ là phù hợp với khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc và tiền lãi là $350.000.000 \text{ đồng} + 34.569.500 \text{ đồng} = 384.569.500 \text{ đồng}$ (ba trăm tám mươi tư triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng).

[3] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 384.569.500

x 0.05% = 19.228.450 đồng (mười chín hai trăm hai tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị H.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải trả cho bà Phan Thị H số tiền là 384.569.500 đồng (ba trăm tám mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải chịu 19.228.450 đồng (mười chín triệu, hai trăm hai tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 9.385.000 đồng (chín triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002853 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn bà Phan Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn bà Phạm Ngọc D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Huỳnh Định Tình